

Số: /2024/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2022 của UBND tỉnh về ban hành tiêu chí phân bổ kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 184/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2022 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 3114/TTr-SGTVT ngày 31 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2022 của UBND tỉnh về ban hành tiêu chí phân bổ kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025 với những nội dung như sau:

“Điều 2. Trách nhiệm và tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của các Sở, ngành, UBND cấp huyện

a) Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

- Hàng năm, tổng hợp, đề xuất chỉ tiêu kế hoạch vốn hỗ trợ cho các địa phương, đơn vị; gửi Sở Tài chính thẩm định nguồn kinh phí, báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ nguồn kinh phí.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện hỗ trợ đối với các dự án ở địa phương bảo đảm đúng các tiêu chí theo quy định.

b) Trách nhiệm của Sở Tài chính

- Hàng năm, phối hợp với Sở Giao thông vận tải thẩm định nguồn kinh phí, báo cáo UBND tỉnh, trình Hội đồng Nhân dân tỉnh quyết nghị phân bổ nguồn kinh phí.

- Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc các đơn vị cấp huyện và các Chủ đầu tư thực hiện quản lý, sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ, thanh toán, quyết toán theo chế độ quản lý tài chính hiện hành.

c) Trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã Nghi Sơn có xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới

- Thực hiện kiên cố hoá đường xã, đường thôn (bản) đảm bảo chỉ tiêu được giao; phân bổ ít nhất 40% kinh phí hỗ trợ để thực hiện kiên cố hóa đường xã, đường thôn (bản); kinh phí hỗ trợ còn lại thực hiện cho các công trình thoát nước, an toàn giao thông.

- Quản lý, sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích, tổ chức thực hiện các dự án, công trình đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả và thực hiện thanh toán, quyết toán theo đúng các quy định hiện hành.

- Hàng năm, có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn gửi về Sở Giao thông vận tải trước ngày 15/11 để kiểm tra kết quả thực hiện, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

- Trường hợp không thực hiện được việc xây dựng các công trình (vì lí do khách quan) muốn điều chuyển kinh phí giữa việc kiên cố hoá mặt đường và xây dựng công trình thoát nước, UBND các huyện, thị xã Nghi Sơn phải có báo cáo UBND tỉnh trước ngày 30/7 trong năm kế hoạch, khi UBND tỉnh chấp thuận mới được thực hiện.

- UBND cấp huyện không hoàn thành đúng yêu cầu đề ra thì Chủ tịch UBND huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và xem xét bị thu hồi phần kinh phí thực hiện sai.

2. Tổ chức thực hiện

a) Trên cơ sở nhu cầu thực hiện kiên cố hóa đường xã, đường thôn (bản), xây dựng các công trình thoát nước, công trình an toàn giao thông và khả năng huy động nguồn đối ứng của địa phương, UBND các huyện, thị xã Nghi Sơn có xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới chủ động lập 01 bộ Hồ sơ đề nghị hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn trong năm sau, gửi đến Sở Giao thông vận tải bằng hình thức văn bản điện tử qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc để được giải quyết. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm: Văn bản đề nghị hỗ trợ và Danh mục các công trình đề nghị hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn (theo mẫu tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này). Trường hợp không đề xuất hỗ trợ kinh phí phải có văn bản nêu rõ lý do. Thời gian gửi hồ sơ hoặc văn bản gửi đến Sở Giao thông vận tải chậm nhất vào 30/6 hàng năm.

b) Sở Giao thông vận tải tiếp nhận, kiểm tra xem xét tính đầy đủ của Hồ sơ đề nghị hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn; trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu theo quy định, trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Giao thông vận tải có thông báo bằng văn bản gửi UBND các huyện, thị xã Nghi Sơn để bổ sung các nội dung và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định; trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản hướng dẫn của Sở Giao thông vận tải, UBND các huyện, thị xã Nghi Sơn nộp lại hồ sơ đảm bảo theo quy định.

c) Trong thời gian không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ của UBND các huyện và thị xã Nghi Sơn đảm bảo theo quy định, Sở Giao thông vận tải xây dựng kế hoạch hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn gửi đến Sở Tài chính thẩm định nguồn kinh phí.

d) Sở Tài chính thẩm định nguồn kinh phí, tham mưu, báo cáo UBND tỉnh về kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn cùng thời điểm với báo cáo dự toán thu, chi ngân sách địa phương.

e) UBND tỉnh xem xét nội dung báo cáo của Sở Tài chính về kế hoạch hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn tỉnh Thanh Hóa, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn. Thời gian UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh trước kỳ họp thường lệ cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

g) Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét nội dung báo cáo của UBND tỉnh về hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn và quyết nghị tại kỳ họp thường lệ cuối năm Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định Luật Ngân sách.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2024.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2 QĐ;
- Bộ Giao thông vận tải (để b/c);
- TTr: Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thi

PHỤ LỤC I

Mẫu văn bản đề nghị hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn

(Ban hành kèm theo Quyết định số/2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hoá)

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng Năm...(2)....

V/v xây dựng kế hoạch các công trình đề nghị hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn năm(2)... cho các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn huyện ...(1)

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Thanh Hoá

Căn cứ Nghị quyết số 184/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025; Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh; Quyết định số .../2024/QĐ-UBND ngày... tháng... năm 2024 về việc sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh về việc ban hành tiêu chí phân bổ kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025. Trên cơ sở nhu cầu và khả năng cân đối nguồn vốn đối ứng để thực hiện kiên cố hoá mặt đường xã, đường thôn (bản) của các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới, ...(1)...xây dựng kế hoạch các công trình đề nghị hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn năm...(2)... cho các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn ...(1)... như sau:

1. Tổng số công trình đề nghị hỗ trợ từ chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn:...(3).... công trình; trong đó:

- Kiên cố hoá mặt đường xã: ...(3)...công trình với tổng chiều dài kiên cố hoá mặt đường ...(4)...km;

- Kiên cố hoá mặt đường thôn (bản): ...(3)...Công trình với tổng chiều dài kiên cố hoá mặt đường ...(4)...km.

- Công trình thoát nước, an toàn giao thông trên đường xã: ...(3)...công trình cầu; ...(3)...công trình cống thoát nước; ...(3)...công trình rãnh thoát nước mặt đường, tổng chiều dài...(4)...km; ...(3)...công trình đường tràn (tổng chiều dài:(4)...m đường tràn);(3)...công trình an toàn giao thông (số lượng,

chiều dài: ...(3)...cột Km,(3)...cọc H, ...(3)...cọc tiêu, ...(3)...biên báo hiệu,....(4)..m lan can...).

2. Dự kiến kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện là...(5)..tỷ đồng, trong đó: Kinh phí đề nghị hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn...(5)...tỷ đồng; kinh phí ngân sách huyện (thị xã)...(5)...tỷ đồng; kinh phí ngân sách xã ...(5)...tỷ đồng; kinh phí huy động nhân dân đóng góp ...(5)...tỷ đồng; nguồn kinh phí huy động khác ...(5)...tỷ đồng.

(...(1)... gửi kèm theo Danh mục công trình đề nghị hỗ trợ từ chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn năm ...(2)...)

...(1)... đề nghị Sở Giao thông vận tải Thanh Hoá xem xét đề xuất nêu trên để xây dựng kế hoạch hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn năm...(2)...theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-
- Lưu VT.

(...1...)
**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn nội dung trong Văn bản

- (1) Tên cơ quan xây dựng kế hoạch các công trình đề nghị hỗ trợ kinh phí từ chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn.
- (2) Năm thực hiện kế hoạch
- (3) Số lượng công trình.
- (4) Chiều dài công trình.
- (5) Số tiền./.

II	Kiên cố hoá mặt đường thôn (bản)									
1	Kiên cố hoá mặt đường thôn...	Km								
2	Kiên cố hoá mặt đường thôn...	Km								
3	Kiên cố hoá mặt đường thôn...	Km								
	Tổng hợp kinh phí đề xuất									

Hướng dẫn nội dung:

Cột (1): Thứ tự.

Cột (2): Tên công trình.

Cột (3): Đơn vị tính theo hàng.

Cột (4): Khối lượng dự kiến thực hiện.

Cột (5): Kinh phí thực hiện xây dựng cho 01 công trình bằng tổng kinh phí cột (6), cột (7), cột (8), cột (9), cột (10).

Cột (6), cột (7), cột (8), cột (9), cột (10) là kinh phí từ các nguồn vốn.

Cột (11): Cột ghi chú./.